

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng
Trang trại nông nghiệp công nghệ cao - Trại gà thịt 4A với quy mô
6.500.000 con/năm tại khu Bãi Kè, thôn Cầu Hồ, xã Mậu Lâm,
huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật BVMT;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3295/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng Trang trại nông nghiệp công nghệ cao - Trại gà thịt 4A với quy mô 6.500.000 con/năm tại khu Bãi Kè, thôn Cầu Hồ, xã Mậu Lâm, huyện Như Thanh;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án đầu tư xây dựng Trang trại nông nghiệp công nghệ cao - Trại gà thịt 4A với quy mô 6.500.000 con/năm tại khu Bãi Kè, thôn Cầu Hồ, xã Mậu Lâm, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa tại phiên họp Hội đồng thẩm định ngày 06/5/2020; nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 82/MT-NT ngày 25/7/2020 của Công ty CP Đầu tư nông nghiệp du lịch Như Thanh.

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 803/Tr-STNMT ngày 24/8/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng Trang trại nông nghiệp công nghệ cao - Trại gà thịt 4A với quy mô

6.500.000 con/năm của Công ty CP Đầu tư nông nghiệp du lịch Như Thanh (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Mậu Lâm, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chính tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Lập kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án gửi Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

3. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm 30 ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Như Thanh, Giám đốc Công ty CP Đầu tư nông nghiệp du lịch Như Thanh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án đầu tư xây dựng Trang trại nông nghiệp công nghệ cao - Trại gà thịt
4A với quy mô 6.500.000 con/năm tại khu Bãi Kè, thôn Cầu Hồ, xã Mậu
Lâm, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa của Công ty CP Đầu tư nông
ng nghiệp du lịch Như Thanh
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020
của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin chung dự án:

“Dự án đầu tư xây dựng Trang trại nông nghiệp công nghệ cao - Trại gà thịt 4A với quy mô 6.500.000 con/năm tại khu Bãi Kè, thôn Cầu Hồ, xã Mậu Lâm, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa”.

- *Chủ đầu tư:* Công ty CP Đầu tư nông nghiệp du lịch Như Thanh.

+ *Đại diện:* Ông Nguyễn Tiến Phong; Chức vụ: Chủ tịch HĐQT;

+ *Địa chỉ liên lạc:* xã Mậu Lâm, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.

- *Phạm vi, Quy mô, công suất dự án:*

+ *Quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng:*

Tổng diện tích 272.749,5m². Các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất của dự án như sau: Đất xây dựng chuồng nuôi: 69.037,25m²; Đất xây dựng các công trình phụ trợ: 3.537m²; Đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật, đường giao thông, tường rào...: 23.005,25m²; Đất xây dựng các công trình xử lý môi trường: 30.936,36m²; Đất cây xanh: 146.233,64m²;

+ *Quy mô thực hiện dự án:*

Các hạng mục xây dựng gồm:

- San nền tạo mặt bằng xây dựng các công trình;
- Hệ thống đường giao thông;
- Hệ thống cấp nước và phòng cháy chữa cháy;
- Hệ thống thoát nước mưa và thoát nước thải;
- Hệ thống cấp điện, chiếu sáng và thông tin liên lạc;
- Xây dựng 40 ô chuồng nuôi với tổng diện tích 69.037,25m²; Trong đó:

Giai đoạn 1: Xây dựng 23 chuồng nuôi gà với diện tích 1.725,93m²/chuồng và 1 chuồng cách ly với diện tích 1.725,93m²;

Giai đoạn 2: Xây dựng 15 chuồng nuôi gà với diện tích 1.725,93m²/chuồng và 1 chuồng cách ly với diện tích 1.725,93m²;

- Xây dựng các công trình phụ trợ;
- Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung;
- Khu tập kết chất thải rắn;
- Cây xanh.

2. Các tác động môi trường chính trong giai đoạn vận hành của dự án

2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân tại trang trại: Lượng nước thải sinh hoạt: $2,3\text{m}^3/\text{ngày đêm}$; trong đó nước tắm giặt: $1,15\text{m}^3/\text{ngày đêm}$; nước thải nhà bếp: $0,69\text{m}^3/\text{ngày đêm}$; nước thải vệ sinh: $0,46\text{m}^3/\text{ngày đêm}$;

- Nước thải chăn nuôi:

Tổng lưu lượng nước thải phát sinh từ chuồng nuôi (khi dự án đi vào hoạt động ổn định) lượng nước thải phát sinh lớn nhất: $276,15\text{m}^3/\text{lần rửa}$.. (Chủ yếu là nước rửa nền chuồng nuôi sau khi đã thu phân và chất độn chuồng...).

Nước thải chủ yếu chứa thành phần: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Hoạt động chăn nuôi tại trang trại phát sinh một lượng bụi và khí thải, mùi hôi vào môi trường xung quanh, bao gồm:

- Khí thải từ chuồng nuôi;

- Khí thải phát sinh từ kho chứa thức ăn;

- **Khí thải phát sinh từ hầm biogas;**

- Khí thải từ quá trình chứa và ủ phân.

- Bụi từ hoạt động vận chuyển con giống, thức ăn và sản phẩm;

- Khí thải từ khu vực xử lý nước thải và hồ thu phân;

- Bụi và khí thải từ máy phát điện dự phòng.

Theo tính toán nồng độ bụi, khí thải tác động trong phạm vi tại trang trại và các hộ dân dọc tuyến đường liên thôn, liên xã gần khu vực dự án.

2.3. Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: $23\text{kg}/\text{ngày}$;

- Chất thải rắn từ quá trình chăn nuôi:

+ Thức ăn rơi vãi ra chuồng nuôi: Lượng thức ăn thừa khoảng $15\text{kg}/\text{ngày}$;

+ Lượng phân và chất độn chuồng: Tổng khối lượng phân và chất độn chuồng khoảng: $6.522,055 \text{ tấn}/\text{năm}$;

+ Bùn cặn từ hệ thống xử lý nước thải: $15\text{m}^3/\text{năm}$;

+ Gà ốm chết...

2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động chăn nuôi của trang trại bao gồm: Bóng đèn neon bị vỡ, hỏng, bơm kim tiêm, vỏ thuốc, chất tẩy rửa... Khối lượng ước tính khoảng $5 \text{ kg}/\text{tháng}$

2.5. Một số tác động khác như: tác động kinh tế - xã hội, tác động do rủi ro, sự cố môi trường.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

* Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:

- Thi công tuyến cống thoát nước mưa và hướng thoát nước theo đúng mặt bằng đã được phê duyệt.

- Giải pháp thiết kế thoát nước mưa đi riêng với hệ thống thoát nước thải.

- Lượng nước mưa chảy tràn được thu gom qua hệ thống rãnh xây B400 với tổng chiều dài 1.873m; trên tuyến rãnh bố trí 67 hố ga để lắng cặn trước khi chảy vào hồ sinh học để tiếp tục xử lý; nước thải sau xử lý tại hồ sinh học được thải ra mương tiêu thoát nước thải nông nghiệp.

. * Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

+ Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại trang trại theo sơ đồ như sau:

Nước thải vệ sinh chuồng trại khi kết thúc lứa nuôi → Bể yếm khí → Hồ sinh học 1 (có lót đáy bằng HPDE) → Hồ sinh học 2 → (có lót đáy bằng HPDE) sau đó thải ra cống thoát nước chung của khu vực.

Bảng tổng hợp chỉ tiêu kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải tập trung

TT	Tên công trình	Thể tích xây dựng theo phương án đầu tư xây dựng (m ³)	Kết cấu công trình
1	Bể Yếm khí (6 bể mỗi bể có thể tích 45m ³)	270	Xây tường gạch, nẹp bể bằng BTCT
2	Hồ sinh học số 1	21.215,2	Xây tường gạch chỉ đặc, lót đáy bằng HPDE
3	Hồ sinh học số 2	28.467,5	Xây tường gạch chỉ đặc, lót đáy bằng HPDE

Vị trí các bể yếm khí được xây dựng phía sau mỗi dãy chuồng nuôi, sau đó nước thải được thu gom về hồ sinh thái 1 và 2.

+ Nước thải phải được xử lý đạt quy chuẩn QCVN 62-MT:2016/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi trước khi thải ra mương tiêu thoát nước thải nông nghiệp.

3.2. Về bụi, khí thải:

- Đối với khí thải từ chuồng nuôi:

+ Lắp đặt hệ thống quạt thông gió tại các ô chuồng nuôi gà:

+ Rải lớp đệm sinh học lót nền chuồng với chiều dày 0,1m; định kỳ 1 lần/ngày xới đảo đệm để tăng khả năng phân hủy sinh học của đệm; Đồng thời

kết thúc mỗi lứa nuôi hót toàn bộ phân và chất độn sinh học đóng bao lưu tại kho khoảng 20 -30 ngày để tiếp tục phân hủy các chất hữu cơ có trong độn sinh học trước khi xuất bán cho các nhà máy sản xuất phân vi sinh.

+ Thu gom và xử lý triệt để chất thải (phân gà) phát sinh sau mỗi đợt nuôi.

+ Phía sau các quạt thông gió của ô chuồng nuôi bố trí các tấm lưới chắn nhằm giảm thiểu việc phát tán mùi, khí thải và lông gà ra môi trường bên ngoài.

+ Bố trí trồng cây xanh rộng từ 3-5m (Cây có tinh dầu và tán lá dày) xung quanh khu vực trang trại và sau khu vực cuối mỗi dãy chuồng nuôi với khoảng cách 2m/cây xanh (trồng 3 hàng dọc tường rào) để ngăn mùi phát tán và cải thiện môi trường.

+ Trang bị bảo hộ cho công nhân.

- Đối với khí thải từ khu vực nhà chứa và ủ phân:

+ Đối với phân và chất độn sinh học sau khi kết thúc mỗi lứa nuôi (7 tuần/lứa) được đóng bao và chuyển vào nhà kho dạng hở có mái che và tường bao xung quanh (có diện tích 1.000m²) để chứa; tại đây các hợp chất hữu cơ trong phân tiếp tục bị phân hủy sinh học do vậy mùi từ phân giảm thiểu đi đáng kể;

- Phân sau thời gian ủ khoảng 20-30 ngày được sử dụng để bón cho các cây trồng tại trang trại; phần còn lại có thể xuất bán cho các nhà máy sản xuất phân vi sinh tại địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Đối với hệ thống xử lý nước thải:

+ Hệ thống xử lý nước thải phải được xây dựng kiên cố và đủ công suất để xử lý;

+ Định kỳ 2 năm/lần hút bùn cặn trong các bể yếm khí và hồ sinh học để đảm bảo dung tích chứa và tăng hiệu quả xử lý nước thải;

+ Sử dụng chế phẩm sinh học EM như Emina để khử mùi hôi tại khu vực xử lý nước thải, khu chứa phân, rãnh thoát nước với lượng dùng: 1 lít EM/10 lít nước cho 200m² (diện tích khu vực phun).

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt.

+ Đối các loại chất thải rắn như: cơm, thực phẩm thừa, rau... được thu gom riêng và tận dụng làm thức ăn cho các ao nuôi cá trong khu vực.

+ Đối với các loại chất thải rắn có thể tái chế như: thủy tinh, nhựa, nilon, vỏ đồ hộp... được thu gom và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

+ Đối với các loại chất thải rắn không thể tái chế được thu gom riêng và hợp đồng với tổ môi trường địa phương thu gom và tập kết tại điểm trung chuyển rác của xã sau đó công ty CP xây dựng môi trường xanh Thành Tâm đến vận chuyển xử lý hàng ngày theo quy định.

- Đối với chất thải rắn trong hoạt động chăn nuôi:

+ Chai lọ đựng hóa chất khử trùng; thuốc thú y được thu gom về kho chứa sau đó trả lại cho Công ty cung cấp;

+ Đối với thức ăn rơi vãi ra nền chuồng được thu gom làm thức ăn cho cá tại ao sinh học của trang trại;

+ Đối với phân và chất độn chuồng: Chất độn chuồng, phân, lông gà sau khi kết thúc đợt nuôi được thu gom tập trung, phun chất khử trùng và đóng vào các bao tải tập kết vào kho chứa có diện tích 1.000m² tại trang trại; Thời gian lưu của phân trong kho khoảng 20-30 ngày; Sau đó một phần sử dụng để trồng và chăm sóc cây trong trang trại; phần còn lại bán cho các Nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

+ Để giảm thiểu các tác động do phân và chất độn sinh học cũng như làm tăng quá trình phân hủy Công ty áp dụng biện pháp sau: sử dụng chế phẩm sinh học BALASA N01 trộn vào chất độn sinh học để phân hủy các chất thải trong chuồng nuôi gia cầm;

+ Đối với gà ốm chết:

Khi xảy ra hiện tượng gà chết nghi nhiễm bệnh dịch cần báo ngay cho cán bộ thú y cấp cơ sở để có biện pháp xử lý, chôn lấp đúng quy trình, chôn lấp hợp vệ sinh; tránh tình trạng lây nhiễm bệnh trên diện rộng; Gà được vận chuyển về hồ chôn. Khu vực chôn lấp có diện tích 150m² (kích thước 15m x 10m) tại phía Đông Bắc của Trang trại. Quy trình chôn lấp thực hiện theo QCVN 01 - 41: 2011/BNNPTN - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn nguy hại: Các chất thải phát sinh (như: giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, vỏ chai,...) được công nhân trong dự án thu gom vào các thùng chứa đặt trong khu vực dự án. Lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 7 kg/tháng. Trang bị 01 thùng chứa dung tích 50 lit/thùng đặt tại khu vực kho chứa của trang trại có dán nhãn mác đúng quy định sau đó hợp đồng với các đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

- Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải lỏng nguy hại: Lượng dầu thải là không đáng kể, Chủ Dự án phải bố trí 01 thùng phi chứa dung tích 50 lit có dán nhãn mác đúng quy định được bố trí tại khu vực nhà kho chứa sau đó hợp đồng với các đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc thiết bị (máy bơm, máy phát điện quạt hút...) sử dụng trong trang trại.

- Trại chăn nuôi được bố trí xa khu dân cư, do đó âm thanh phát ra từ khu vực chuồng trại ảnh hưởng không đáng kể đến khu vực xung quanh

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

4.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng (giai đoạn 1 & giai đoạn 2).

Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

a. Giám sát chất lượng khí thải:

- Chỉ tiêu giám sát: vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO..

- Vị trí giám sát: 03 vị trí.

+ K1: Tại tuyến đường liên thôn phía Tây dự án;

+ K2: Tại khu vực lán trại;

+ K3: Tại khu vực trung tâm dự án;

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 05: 2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 26: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ Tiêu chuẩn vệ sinh lao động theo Quyết định số 3733/QĐ-BYT ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

b. Giám sát chất lượng nước thải:

- Chỉ tiêu giám sát: pH, TSS, BOD₅, COD, dầu mỡ khoáng, NH₄⁺ theo N, hàm lượng As, Hàm lượng Pb, Coliform, E. Coli.

- Vị trí giám sát: 01 mẫu nước như sau:

+ Nước thải sinh hoạt sau xử lý tại bể thu gom nước thải sinh hoạt tại khu vực lán trại - Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt.

c. Giám sát chất thải rắn:

+ Vị trí tập kết chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực lán trại;

+ Thông số giám sát: Khối lượng chất thải rắn;

4.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành

a. Môi trường không khí:

+ Chỉ tiêu vi khí hậu: nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, tiếng ồn.

+ Chất lượng không khí: bụi, NH₃, H₂S, CH₄, C₆H₅SH, CH₃SH.

- Chỉ tiêu so sánh:

+ QCVN 05: 2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 06: 2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

+ QCVN 26: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Vị trí giám sát:

+ 01 điểm: Sau khu chuồng nuôi số 1.;

- + 01 điểm: Sau khu chuồng nuôi số 2;
- + 01 điểm: Tại khu vực xử lý nước thải;

b. Môi trường nước thải:

** Giám sát định kỳ:*

- *Thông số giám sát:* pH, TSS, BOD₅, COD, Tổng N; Tổng P, Coliform, E coli; Samonela.

QCVN 62-MT: 2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải chăn nuôi.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Vị trí giám sát:*

+ NT: Nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải (sau hồ sinh học số 2 trước khi thải ra môi trường)./.